

Chi tiết mã HS 2710.20.00

Mã HS	2710.20.00
Mô tả hàng hóa	Dầu có nguồn gốc từ dầu mỏ và các loại dầu thu được từ các khoáng bi-tum, trừ dầu thô; các chế phẩm chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác, có chứa hàm lượng từ 70% trở lên là dầu có nguồn gốc từ dầu mỏ hoặc các loại dầu thu được từ các khoáng bi-tum, những loại dầu này là thành phần cơ bản của các chế phẩm đó; dầu thải. (SEN) / - Dầu mỏ và các loại dầu thu được từ các khoáng bi-tum (trừ dầu thô) và các chế phẩm chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác, có chứa từ 70% trọng lượng trở lên là dầu mỏ hoặc các loại dầu thu được từ các khoáng bi-tum, những loại dầu này là thành phần cơ bản của các chế phẩm đó, có chứa dầu diesel sinh học, trừ dầu thải
Đơn vị	kg/lít
Thời điểm tạo	31/10/2026 23:41:58
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 - BIEU THUẾ XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/27102000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	0	0%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K3334
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N3334
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q3334
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường	MT	Chịu thuế BVMT - xem biểu	109/2025/UBTVQH15	2021-08-06	BT2026!CV3334
Thuế xuất khẩu	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-05-31	BT2026!CJ3334
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) - 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
-----	-------------	-----------	----------------	----	------------------	---------	------------

AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	7/7	7 / 7 (nhiều mức)	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Cần diễn giải
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
EVFTA	7	7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	7	7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	20 (-CN)	20% (trừ CN)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AANZFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
AHKFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
AIFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
AJCEP	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
RCEP (Phụ lục A)	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
RCEP (Phụ lục B)	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

RCEP (Phụ lục C)	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
RCEP (Phụ lục D)	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
RCEP (Phụ lục E)	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
RCEP (Phụ lục F)	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
VCFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
VJEPA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
VIFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		20	AC!E3329
ATIGA	2022	2022	0	AT!E3290
ATIGA	2023	2023	0	AT!F3290
ATIGA	2024	2024	0	AT!G3290
ATIGA	2025	2025	0	AT!H3290
ATIGA	2026	2026	0	AT!I3290
ATIGA	2027	2027	0	AT!J3290
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	*	AJ!E3328
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	*	AJ!F3328
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	*	AJ!G3328
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	*	AJ!H3328

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	*	AJ!I3328
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	*	AJ!J3328
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	*	VJ!E3332
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	*	VJ!F3332
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	*	VJ!G3332
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	*	VJ!H3332
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	*	VJ!I3332
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	*	VJ!J3332
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F3332
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		*	AANZ!H3296
AIFTA	30/12/2022	2022	*	AI!F3292
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	*	AI!G3292
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	*	AI!H3292
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	*	AI!I3292
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	*	AI!J3292
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	*	AI!K3292
VKFTA	2022	2022	0	VK!E3292
VKFTA	2023	2023	0	VK!F3292
VKFTA	2024	2024	0	VK!G3292
VKFTA	2025	2025	0	VK!H3292
VKFTA	2026	2026	0	VK!I3292
VKFTA	2027	2027	0	VK!J3292
VCFTA	2022	2022	*	VC!D3339
VCFTA	2023	2023	*	VC!E3339
VCFTA	2024	2024	*	VC!F3339
VCFTA	2025	2025	*	VC!G3339

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	*	VC!H3339
VCFTA	2027	2027	*	VC!I3339
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D3336
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E3336
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F3336
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G3336
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H3336
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I3336
AHKFTA	2022	2022	*	AKH!D3344
AHKFTA	2023	2023	*	AKH!E3344
AHKFTA	2024	2024	*	AKH!F3344
AHKFTA	2025	2025	*	AKH!G3344
AHKFTA	2026	2026	*	AKH!H3344
AHKFTA	2027	2027	*	AKH!I3344
EVFTA	2022	2022	7	EV-NK!D3315
EVFTA	2023	2023	7	EV-NK!E3315
EVFTA	2024	2024	7	EV-NK!F3315
EVFTA	2025	2025	7	EV-NK!G3315
EVFTA	2026	2026	7	EV-NK!H3315
EVFTA	2027	2027	7	EV-NK!I3315
UKVFTA	2022	2022	7	UKV!D3317
UKVFTA	2023	2023	7	UKV!E3317
UKVFTA	2024	2024	7	UKV!F3317
UKVFTA	2025	2025	7	UKV!G3317
UKVFTA	2026	2026	7	UKV!H3317
UKVFTA	2027	2027	7	UKV!I3317

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)		CPTPP!3313
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)		CPTPP!3313
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)		CPTPP!3313
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)		CPTPP!3313
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)		CPTPP!3313
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)		CPTPP!3313
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)		CPTPP!3313
RCEP A	2022	2022	*	RCEPT-A!D3336
RCEP A	2023	2023	*	RCEPT-A!E3336
RCEP A	2024	2024	*	RCEPT-A!F3336
RCEP A	2025	2025	*	RCEPT-A!G3336
RCEP A	2026	2026	*	RCEPT-A!H3336
RCEP A	2027	2027	*	RCEPT-A!I3336
RCEP B	2022	2022	*	B!D3336
RCEP B	2023	2023	*	B!E3336
RCEP B	2024	2024	*	B!F3336
RCEP B	2025	2025	*	B!G3336
RCEP B	2026	2026	*	B!H3336
RCEP B	2027	2027	*	B!I3336
RCEP C	2022	2022	*	C!D3336
RCEP C	2023	2023	*	C!E3336
RCEP C	2024	2024	*	C!F3336
RCEP C	2025	2025	*	C!G3336
RCEP C	2026	2026	*	C!H3336
RCEP C	2027	2027	*	C!I3336
RCEP D	2022	2022	*	D!D3336

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	*	D!E3336
RCEP D	2024	2024	*	D!F3336
RCEP D	2025	2025	*	D!G3336
RCEP D	2026	2026	*	D!H3336
RCEP D	2027	2027	*	D!I3336
RCEP E	2022	2022	*	E!D3339
RCEP E	2023	2023	*	E!E3339
RCEP E	2024	2024	*	E!F3339
RCEP E	2025	2025	*	E!G3339
RCEP E	2026	2026	*	E!H3339
RCEP E	2027	2027	*	E!I3339
RCEP F	2022	2022	*	F!D3336
RCEP F	2023	2023	*	F!E3336
RCEP F	2024	2024	*	F!F3336
RCEP F	2025	2025	*	F!G3336
RCEP F	2026	2026	*	F!H3336
RCEP F	2027	2027	*	F!I3336
VIFTA	2024	2024	*	VI!F3077
VIFTA	2025	2025	*	VI!G3077
VIFTA	2026	2026	*	VI!H3077
VIFTA	2027	2027	*	VI!I3077

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủ ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
-------------	-----	------------	-------	----------------------	----------------	-------------	------------------------

DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: Hàng hóa nhóm 2 (2711/QĐ-BKHCN 2022)		2711/QĐ-BKHCN	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	Xăng dầu (41/2019/TT-BCT)		41/2019/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	EVFTA 7%, UKVFTA 7%, ACFTA 20%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (0%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 0%		Cần nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-003	YELLOW	Chịu thuế bảo vệ môi trường	Cột BVMT ghi “MT” – thuế tuyệt đối theo đơn vị hàng hóa.		109/2025/UBTVQH15	Tra mức thuế theo biểu BVMT 2026 và nhập số lượng để tính.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-005	BLUE	Có mã Chương 98 tương ứng	Mã 2710.20.00 có mã Chương 98 tương ứng 9838.00.00 (thuế MFN riêng: 7%). Chỉ áp dụng khi đáp ứng điều kiện của Chương 98.	Dầu diesel sinh học (B5, B10).	26/2023/NĐ-CP	Đọc điều kiện tại Chương 98 (Nghị định 26/2023/NĐ-CP và sửa đổi).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 2710.20.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 2710.20.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N3334), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Xăng dầu (41/2019/TT-BCT)
Hàng hóa nhóm 2 (2711/QĐ-BKHCN 2022)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.